

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM MỸ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 09/3/2021.

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ - TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Tường Vy.

Các Hội thẩm nhân dân: + Ông Lê Đức Dũng

+ Bà Lại Thị Thúy Hằng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Dương - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ tham gia phiên tòa:

Ông Dương Văn Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2021, tại Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 371/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2021/QĐST-HNGĐ ngày 23/02/2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Thôn S, xã P, huyện B, tỉnh B.

2. *Bị đơn:* Ông Châu Phan Ngọc H, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Tổ 10, ấp S, xã X, huyện C, tỉnh Đ.

(Cả 2 đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/7/2020 và bản tự khai, nguyên đơn bà Nguyễn Thị G trình bày:* Bà và ông Châu Phan Ngọc H chung sống với nhau từ năm 1998 nhưng tới năm 2003 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện B, tỉnh B. Đây là hôn nhân lần thứ nhất của hai người. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ năm 2010. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông H không chịu làm ăn, thường xuyên nhậu nhẹt, không chăm lo cho kinh tế gia đình. Bà và ông H đã ly thân từ năm 2010 cho tới nay. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà G yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

- Về con chung: Có hai con chung là cháu Châu Ngọc G, sinh ngày: 02/4/1999 và cháu Châu Thị Mỹ L, sinh ngày 04/6/2001. Do các cháu đã thành niên nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

* Ông Châu Phan Ngọc H vắng mặt tại phiên tòa và trong quá trình làm việc nên không có lời trình bày.

*** Ý kiến của Viện kiểm sát:**

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Việc thụ lý, thu thập tài liệu, chứng cứ; xác định tư cách tham gia tố tụng và quan hệ pháp luật đúng trình tự thủ tục theo quy định. Việc tuân theo pháp luật của HĐXX, Thư ký phiên tòa được thực hiện đúng quy định pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: căn cứ vào tài liệu, chứng cứ thu thập được thể hiện quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị G và ông Châu Phan Ngọc H đã thực sự mâu thuẫn trầm trọng, hiện ông bà không còn chung sống với nhau đã lâu; ông H đã chuyển hộ khẩu về xã X, huyện C sinh sống đã gần 1 năm. Vì vậy, mục đích hôn nhân của cả 2 là không đạt được nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà G với ông H. Về con chung: đã trưởng thành không giải quyết; về tài sản chung: không yêu cầu nên không giải quyết; về nợ chung: các đương sự khai không có nên không giải quyết. Về án phí: giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết và thủ tục tố tụng:

- Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Bà Nguyễn Thị G có đơn ly hôn với ông Châu Phan Ngọc H. Hiện ông H đang cư trú tại ấp S, xã X, huyện C, tỉnh Đ. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ theo quy định tại Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Thủ tục tố tụng: Ông Châu Phan Ngọc H đã được tòa án triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; bà Nguyễn Thị G có đơn xin xét xử vắng mặt; nên căn cứ Điều 227, 228 BLTTDS, HĐXX xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà G, ông H kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh B năm 2003 nên áp dụng Điều 9, 11 và Điều 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 xác định là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Theo bà G vì bất đồng quan điểm sống và tính tình không hợp nhau nên thường hay cãi vã nhau; ông H hay nhậu nhẹt, không chăm lo cho kinh tế gia đình. Hiện bà G và ông H đã ly thân từ năm 2010 cho tới nay; ông H đã chuyển về cư trú tại xã X, huyện C. Và theo ý kiến của ông Châu Phan Ngọc S là anh ruột của ông H thì bà G và ông H có mâu thuẫn là do ông H bị thương tật ở chân nên bà G gây chuyện và đuổi ông H ra khỏi nhà; từ tháng 3/2020 ông H về sống với anh em tại xã X, huyện C.

Xét lời trình bày trên của đương sự nhận thấy: việc bà G và ông H hiện không còn chung sống với nhau đã lâu, không thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau đã vi phạm quy định pháp luật về tình nghĩa vợ chồng theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân & gia đình 2014 đã làm cho hôn nhân không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cho bà G ly hôn với ông H.

[3] Về con chung: Bà G và ông H có hai con chung là cháu Châu Ngọc Gi, sinh ngày 02/4/1999 và cháu Châu Thị Mỹ L, sinh ngày 04/6/2001. Do các con đã đủ 18 tuổi nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về nợ chung: Các đương sự khai không có và không có ai yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Quan điểm đại diện Viện kiểm sát là phù hợp chứng cứ đã thu thập, quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Án phí: Bà Nguyễn Thị G phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 9, 11, 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 19, Điều 56; 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị G.

1. Về hôn nhân: Cho Bà Nguyễn Thị G được ly hôn ông Châu Phan Ngọc H.

2. Về con chung: Đã đủ 18 tuổi nên không giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không giải quyết.

4. Về nợ chung: Không giải quyết.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị G phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0002102 ngày 12/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND H. Cẩm Mỹ;
- Chi cục THADS H. Cẩm Mỹ;
- UBND xã T (109/2003);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Tường Vy

